TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST Ngày 14-9-2023 V/v Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cầm Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Hiệt.

2. Ông Nghiêm Văn Hải.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Đôn - Kiểm Sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐHPT ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H – Sinh năm 1986

Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã L, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn Q - sinh năm 1987

Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã L, huyện Y, tỉnh Sơn La.

Hiện bị đơn đang tạm giữ tại nhà tạm giữ công an huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La vì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/04/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án,

nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Đào Văn Q lấy nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện L năm 2014. Sau 5 năm chung hòa thuận thì đến tháng 6/2019 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh Đào Văn Q mắc nghiện ma túy, không quan tâm chăm lo làm ăn, kinh tế và cuộc sống của gia đình, mà thường xuyên chơi bời, nghiện hút, hai bên đã ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị H đề nghị Tòa án được ly hôn với anh Đào Văn Q.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi khai ngày 05/07/2023 bị đơn anh Đào Văn Q trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời điểm chung sống, quá trình chung sống. Tuy nhiên sau khi kết hôn được khoảng 07 năm thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị Lê Thị H có mối quan hệ bên ngoài, chung sống như vợ chồng với anh Phạm Văn Hinh, trú tại đội 3, xã L, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Hiện nay anh không còn tình cảm với vợ, cũng không yêu cầu tòa hòa giải đoàn tụ, không có ý định tái hợp nhưng không đồng ý ly hôn do chị H vi phạm chế độ một vợ một chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình hòa giải tại phiên hòa giải ngày 05/7/2023 nguyên đơn chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Đào Văn Q, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung do không có. Bị đơn anh Đào Văn Q giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn do chị H vi phạm chế đố một vợ một chồng.

Quá trình giải quyết vụ án xác minh được như sau: Tại văn bản trả lời về việc xác minh thông tin ngày 14/7/2023 của trụ sở UBND xã L, kết quả: Chị Lê Thị H và anh Đào Văn Q có đăng ký kết hôn tại hôn tại UBND xã L ngày 21/8/2014 theo quy định của pháp luật. Từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2021 anh Đào Văn Q chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hiện chị Lê Thị H chưa đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn Hinh, nhưng đã chung sống như vợ chồng.

Ngày 15/8/2023 bị đơn anh Đào Văn Q bị bắt và khởi tố về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện yên Châu.

Tại phiên tòa nguyên đơn có có mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn do đang bị tạm giữ tại Công an huyện yên Châu nên có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 24/8/2023, và có ý kiến xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, đồng thời giải quyết cho bị đơn được ly hôn nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án:

Do chị Lê Thị H và anh Đào Văn Q lấy nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng đã không còn, không còn yêu tH chăm sóc lẫn nhau, chị Lê Thị H đã chung sống như vợ chồng với người khác là vi phạm chế độ một vợ một chồng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên hai bên không có ý định quay lại đoàn tụ, hiện anh Đào Văn Q đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, tuyên xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Đào Văn Q.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nợ chung: Không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đối với anh Đào Văn Q, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ "Ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Đào Văn Q có nơi cư trú cuối cùng trước khi chấp hành án là bản T, xã L, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Yên Châu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Bị đơn anh Đào Văn Q vắng mặt tại phiên tòa do đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Yên Châu, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 24/7/2023 và có bản tự khai ngày 05/7/2023. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày, Chị H và anh Q lấy nhau có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã L theo quy định của pháp luật. Việc anh chị có đăng ký kết hôn làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm, không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng, và đã ly thân trong thời gian dài không có ý định tái hợp. Mâu thuẫn giữa chị H và anh Q đã thực sự trầm trọng. Việc chị Lê Thị H đang có đăng ký kết hôn với anh Đào Văn Q nhưng lại chung sống bất hợp pháp với anh Nguyễn Văn Hinh, trú tại đội 3, xã L, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm chế độ một vợ một chồng. Trong thời kỳ hôn nhân, anh Đào Văn Q có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm này của chị Lê Thị H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đào Văn Q không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H với lý do chị Lê Thị H vi phạm chế độ một vợ một chồng, nhưng không có ý định tái hợp, không đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ, đồng thời anh cũng cho rằng mình không còn tình cảm với chị H, hai bên ly thân từ năm 2021 đến nay. Đến ngày 24/8/2023 trong đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Q có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H, đề nghị được giải quyết cho anh ly hôn với chị H, xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của hai anh chị khi hai bên mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Đào Văn Q của chị Lê Thị H.

[5] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về khoản nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Đào Văn Q.

3. Về con chung: Không có.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0003334 ngày 25/05/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Yên Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Chi cục THA Dân sự huyện Yên Châu;
- UBND xã L, huyện Yên Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Thị Thanh Huyền